

Số: 3121 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục và nội dung cụ thể của 02 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

2. Bãi bỏ 04 thủ tục hành chính: Mã 1.011607 (Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm); Mã 1.011608 (Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm); Mã 3.000412 (Công nhận người lao động có thu nhập thấp) được công bố tại Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Mã 1.011606 (Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm) được công bố tại Quyết định số 967/QĐ-BNNMT ngày 18 tháng 4 năm 2025, sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 2306/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực giảm nghèo kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số, Chánh Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Văn phòng Bộ (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ);
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục I

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA CÁC THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRONG LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

PHẦN I. DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**Danh mục các thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức
năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường**

TT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Thủ tục hành chính cấp xã				
1	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp xã
2	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	- Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp xã

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Thủ tục hành chính cấp xã: “Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030”

1.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Gửi hồ sơ

Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT) gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện).

b) Bước 2. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo phòng chuyên môn được giao thực hiện công tác giảm nghèo thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan lập Danh sách hộ gia đình cần rà soát theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT, bao gồm: Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã tại thời điểm rà soát; Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, qua rà soát theo Phiếu A (Mẫu số 2.1 Phụ lục II và Mục II Mẫu số 2.5 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT) không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 tại Phiếu A.

c) Bước 3. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Thực hiện tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

d) Bước 4. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát

Thực hiện họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

đ) Bước 5. Niêm yết, thông báo công khai

Thực hiện niêm yết, thông báo công khai theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

e) Bước 6. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

1.2. Cách thức thực hiện

Đối với hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện). Đối với danh sách rà soát do Ủy ban nhân dân cấp xã lập: thực hiện theo kế hoạch rà soát hằng năm, không yêu cầu hộ gia đình nộp hồ sơ.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Giấy đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết

Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 hằng năm; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú.

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;

- Văn bản trả lời, nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

- Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

Mẫu số 01. Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ RÀ SOÁT, CÔNG NHẬN¹

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu
(qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã)

Họ và tên:, Giới tính (1: Nam; 2: Nữ):

Sinh ngày tháng năm, Dân tộc:

Số thẻ CC/mã ĐDCN: Ngày cấp:/...../.....²

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Thông tin các thành viên của hộ:

Số TT	Họ và tên	Giới tính (1: Nam; 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Quan hệ với chủ hộ (Chủ hộ/ vợ/ chồng/ bố/mẹ/ con...)	Tình trạng (Có việc làm/ Không có việc làm /Đang đi học)
01					
02					
03					
...					

Lý do đề nghị^{3, 4}:

.....

..., ngày tháng năm

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

² Thông tin dữ liệu về thẻ Căn cước/mã Định danh cá nhân thực hiện bảo mật theo quy định của pháp luật.

³ Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo vì các lý do như:

- Bị ảnh hưởng bởi thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc, sóng thần); môi trường bị ô nhiễm nặng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật nặng; rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh); rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm)....

- Có biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình (có thêm con, bộ đội xuất ngũ trở về gia đình, lao động chính trong hộ bị chết...).

⁴ Rà soát, công nhận hộ thoát nghèo: nêu rõ các lý do.

Mẫu số 05. Quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo**ỦY BAN NHÂN DÂN**
Xã/phường/đặc khu.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH**Công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo**
(trong năm/định kỳ hằng năm)**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;**Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;**Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo theo kết quả rà soát tháng ... năm 20.../định kỳ năm....tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.** Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng chuyên môn cấp xã được giao thực hiện công tác giảm nghèo, các đơn vị, tổ chức cấp xã liên quan, các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã/phường/đặc khu;
- Thường trực HĐND xã/phường/đặc khu;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã/phường/đặc khu;
- Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố (để báo cáo);
- Sở NN&MT (để báo cáo);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO
THEO KẾT QUẢ RÀ SOÁT TRONG NĂM ... (THÁNG ...)/ĐỊNH KỲ NĂM ...⁵**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu)

STT	STT Hộ	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Số thẻ CC/Mã ĐDCN	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1							
2								
3								
4	2							
5								
6								
7	3							
8								
9								

Ghi chú cách ghi thông tin các cột:

Cột (1). Đánh số thứ tự người từ 1 đến hết; **Cột (2).** Đánh số thứ tự hộ từ 1 đến hết; **Cột (3).** Họ và tên (Ghi đầy đủ họ và tên: chủ hộ là người có đánh số thứ tự tại cột 2 và thành viên là người không đánh số thứ tự tại cột 2) theo tên trên thẻ căn cước/căn cước công dân; **Cột (4).** Quan hệ với chủ hộ⁶; **Cột (5).** Ngày, tháng, năm sinh⁷; **Cột (6).** Giới tính: Nam ghi 1. Nữ ghi 2; **Cột (7).** Số CC/mã ĐDCN: ghi theo số mã định danh cá nhân trên Căn cước/CCCD; **Cột (8).** Dân tộc. **Ghi mã dân tộc** theo bảng mã dân tộc của Cục Thống kê, Bộ Tài chính; **Cột (9).** Phân loại hộ (tất cả các thành viên trong hộ): Hộ nghèo: **ghi mã 1**. Hộ cận nghèo: **ghi mã 2**. Hộ thoát nghèo: **ghi mã 3**.

⁵ Phụ lục này phê duyệt chi tiết thông tin, dữ liệu thành viên hộ gia đình để phục vụ quản lý, xây dựng Cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo, để bảo đảm quy định về bảo mật, an toàn dữ liệu: không sử dụng để niêm yết, thông báo công khai và tách riêng từng hộ khi trả kết quả quyết định công nhận kết quả rà soát cho hộ gia đình.

⁶ Chủ hộ ghi mã 1; Vợ/chồng chủ hộ ghi mã 2; Con (bao gồm con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi) ghi mã 3; Bố/mẹ (bao gồm bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng, bố mẹ nuôi) ghi mã 4; Khác (bao gồm: ông, bà, cô, dì, chú, bác, cháu, anh, chị, em) ghi mã 5.

⁷ Ghi dạng (dd/mm/yyyy), ví dụ: 15/12/2015; Lưu ý: thu thập đầy đủ cả ngày, tháng, năm sinh của người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trường hợp không có ngày, tháng sinh thì ghi ngày 01 tháng 01 (ví dụ: 01/01/1943).

Mẫu số 06. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã/phường/đặc khu.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GCN-HN.HCN

....., ngày....tháng....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ
quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;
Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân
dân xã/phường/đặc khu chứng nhận:*

Hộ gia đình ông/bà:..... Dân tộc:.....
Số thẻ CC/ Mã ĐDCN:..... Ngày cấp.....
Nơi thường trú:.....
Nơi ở hiện tại:

I. Danh sách thành viên trong hộ gia đình

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1						
2						
3						
4						
5						
6						

II. Kết quả phân loại hộ gia đình giai đoạn 2027 - 2030

NĂM 20.....

☐ N

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

☐ CN

☐ 1

☐ 3

☐ 5

☐ 7

☐ 9

☐ 11

☐ 2

☐ 4

☐ 6

☐ 8

☐ 10

☐ 12

ngày... tháng.... năm

Xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

NĂM 20....

☐ N

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

☐ CN

☐ 1

☐ 3

☐ 5

☐ 7

☐ 9

☐ 11

☐ 2

☐ 4

☐ 6

☐ 8

☐ 10

☐ 12

ngày.... tháng....năm....

Xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

NĂM 20....

☐ N

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

☐ CN

☐ 1

☐ 3

☐ 5

☐ 7

☐ 9

☐ 11

☐ 2

☐ 4

☐ 6

☐ 8

☐ 10

☐ 12

ngày.... tháng....năm....

Xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

NĂM 20...

☐ N

Các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN

☐ CN

☐ 1

☐ 3

☐ 5

☐ 7

☐ 9

☐ 11

☐ 2

☐ 4

☐ 6

☐ 8

☐ 10

☐ 12

ngày.... tháng....năm....

Xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã

(Ký tên, đóng dấu)

NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý 1. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp cho hộ gia đình là căn cứ xác định hộ gia đình và thành viên trong hộ gia đình được hưởng các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo. 2. Theo Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký tên, đóng dấu công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ gia đình vào ô của năm liền sau thời điểm rà soát (đối với rà soát định kỳ)/ô của năm rà soát (đối với rà soát trong năm), làm cơ sở để người dân hưởng chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại ô ký tên, đóng dấu. 3. Trường hợp hộ gia đình có thay đổi về thành viên thì gửi các giấy tờ liên quan về sự thay đổi thành viên (giấy chứng nhận kết hôn, giấy chứng sinh/khai sinh, giấy khai tử,...) để Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách thành viên trong hộ gia đình trên Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo đã cấp. Chủ tịch UBND cấp xã ký tên, đóng dấu vào dòng ghi tên thành viên thay đổi tại cột Ghi chú trong biểu Danh sách thành viên trong hộ gia đình. 4. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được bảo quản cẩn thận để tránh hư hỏng, rách nát hoặc bị mất. Trường hợp bị hư hỏng, rách nát hoặc bị mất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, cấp đổi lại cho hộ gia đình trên cơ sở danh sách, dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý và thu lại Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cũ để lưu hồ sơ/.	Ghi chú về các từ viết tắt: - N: Hộ nghèo; CN: Hộ cận nghèo; - Các số từ 1 - 12 viết tắt về các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo, cụ thể: 1. Việc làm; 2. Người phụ thuộc trong hộ gia đình; 3. Dinh dưỡng; 4. Bảo hiểm y tế; 5. Trình độ giáo dục người lớn; 6. Tình trạng đi học của trẻ em; 7. Chất lượng nhà ở; 8. Diện tích nhà ở bình quân đầu người; 9. Sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản; 10. Nguồn nước sinh hoạt; 11 Nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh; 12: Xử lý rác thải. (Ghi X vào ô tương ứng với kết quả phân loại Hộ nghèo, hộ cận nghèo và các chỉ số thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo)
--	---

2. Thủ tục hành chính cấp xã: “Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030”

2.1. Trình tự thực hiện

a) Bước 1. Gửi hồ sơ

Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện).

b) Bước 2. Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát

Trên cơ sở đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm của hộ gia đình, người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu A để rà soát, lập danh sách hộ gia đình thuộc Danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với hộ không có điều kiện nhận dạng nhanh theo ghi chú tại cột 0 và hộ có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09; lập Danh sách rà soát hộ thoát nghèo đối với hộ có đề nghị rà soát, công nhận hộ thoát nghèo.

c) Bước 3. Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình

Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

d) Bước 4. Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát; niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát

Thực hiện tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT và niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

đ) Bước 5. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT trước ngày 01 của tháng kế tiếp.

e) Trường hợp đột xuất

Trường hợp đột xuất do xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác; phát sinh từ ngày 15 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12 thì thời gian rà soát, Danh sách hộ gia đình cần rà soát do người thực hiện rà soát đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

2.2. Cách thức thực hiện

Đối với hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc gửi qua đường bưu điện).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Thành phần hồ sơ: Giấy đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết

Thời gian rà soát từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trước ngày 01 của tháng kế tiếp.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

- Quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;

- Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT;

- Văn bản trả lời, nêu rõ lý do đối với trường hợp không đủ điều kiện công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

- Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.

Mẫu số 01. Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ RÀ SOÁT, CÔNG NHẬN⁸

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu
 (qua Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã)

Họ và tên:, Giới tính (1: Nam; 2: Nữ):
 Sinh ngày tháng năm, Dân tộc:
 Số thẻ CC/mã ĐDCN: Ngày cấp:/...../.....⁹
 Nơi thường trú:
 Nơi ở hiện tại:
 Thông tin các thành viên của hộ:

Số TT	Họ và tên	Giới tính (1: Nam; 2: Nữ)	Ngày, tháng, năm sinh	Quan hệ với chủ hộ (Chủ hộ/ vợ/ chồng/ bố/mẹ/ con...)	Tình trạng (Có việc làm/ Không có việc làm /Đang đi học)
01					
02					
03					
...					

Lý do đề nghị^{10, 11} :

.....

..., ngày tháng năm
NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁸ Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

⁹ Thông tin dữ liệu về thẻ Căn cước/mã Định danh cá nhân thực hiện bảo mật theo quy định của pháp luật.

¹⁰ Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo vì các lý do như:

- Bị ảnh hưởng bởi thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc, sóng thần); môi trường bị ô nhiễm nặng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật nặng; rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh); rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm)...
 - Có biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình (có thêm con, bộ đội xuất ngũ trở về gia đình, lao động chính trong hộ bị chết...).

¹¹ Rà soát, công nhận hộ thoát nghèo: nêu rõ các lý do.

Mẫu số 05. Quyết định công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã/phường/đặc khu.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

Số: /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo
(trong năm/định kỳ hằng năm)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU....

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo theo kết quả rà soát tháng ... năm 20.../định kỳ năm....tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng chuyên môn cấp xã được giao thực hiện công tác giảm nghèo, các đơn vị, tổ chức cấp xã liên quan, các Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và hộ gia đình có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy xã/phường/đặc khu;
- Thường trực HĐND xã/phường/đặc khu;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã/phường/đặc khu;
- Chủ tịch UBND tỉnh/thành phố (để báo cáo);
- Sở NN&MT (để báo cáo);
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DANH SÁCH HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ THOÁT NGHÈO THEO
KẾT QUẢ RÀ SOÁT TRONG NĂM ... (THÁNG ...)/ĐỊNH KỲ NĂM ...¹²**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 20...
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu)*

STT	STT Hộ	Họ và tên	Quan hệ với chủ hộ	Ngày, tháng năm sinh	Giới tính	Số thẻ CC/ Mã ĐDCN	Dân tộc	Phân loại hộ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	1							
2								
3								
4	2							
5								
6								
7	3							
8								
9								

Ghi chú cách ghi thông tin các cột:

Cột (1). Đánh số thứ tự người từ 1 đến hết; **Cột (2).** Đánh số thứ tự hộ từ 1 đến hết; **Cột (3).** Họ và tên (Ghi đầy đủ họ và tên: chủ hộ là người có đánh số thứ tự tại cột 2 và thành viên là người không đánh số thứ tự tại cột 2) theo tên trên thẻ căn cước/căn cước công dân; **Cột (4).** Quan hệ với chủ hộ¹³; **Cột (5).** Ngày, tháng, năm sinh¹⁴; **Cột (6).** Giới tính: Nam ghi 1. Nữ ghi 2; **Cột (7).** Số CC/mã ĐDCN: ghi theo số mã định danh cá nhân trên thẻ Căn cước/CCCD; **Cột (8).** Dân tộc. **Ghi mã dân tộc** theo bảng mã dân tộc của Cục Thống kê, Bộ Tài chính; **Cột (9).** Phân loại hộ (tất cả các thành viên trong hộ): Hộ nghèo: **ghi mã 1**. Hộ cận nghèo: **ghi mã 2**. Hộ thoát nghèo: **ghi mã 3**.

¹² Phụ lục này phê duyệt chi tiết thông tin, dữ liệu thành viên hộ gia đình để phục vụ quản lý, xây dựng Cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo, để bảo đảm quy định về bảo mật, an toàn dữ liệu: không sử dụng để niêm yết, thông báo công khai và tách riêng từng hộ khi trả kết quả quyết định công nhận kết quả rà soát cho hộ gia đình.

¹³ Chủ hộ ghi mã 1; Vợ/chồng chủ hộ ghi mã 2; Con (bao gồm con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi) ghi mã 3; Bố/mẹ (bao gồm bố mẹ đẻ, bố mẹ vợ, bố mẹ chồng, bố mẹ nuôi) ghi mã 4; Khác (bao gồm: ông, bà, cô, dì, chú, bác, cháu, anh, chị, em...) ghi mã 5.

¹⁴ Ghi dạng (dd/mm/yyyy), ví dụ: 15/12/2015; Lưu ý: thu thập đầy đủ cả ngày, tháng, năm sinh của người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; trường hợp không có ngày, tháng sinh thì ghi ngày 01 tháng 01 (ví dụ: 01/01/1943).

Phụ lục II**DANH MỤC CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRONG LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lý do	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
Danh mục các thủ tục hành chính bị bãi bỏ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027					
1.	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 quy định thực hiện trong năm 2026. Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 từ ngày 01/9/2026 đồng thời thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp xã
2.	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 quy định thực hiện trong năm 2026. Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 từ ngày 01/9/2026 đồng thời thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lý do	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
3.	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 quy định Tiêu chí, quy trình rà soát, xác định người lao động có thu nhập thấp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp xã
4.	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định về chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 quy định thực hiện trong năm 2026. Khoản 2 Điều 10 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 từ ngày 01/9/2026 đồng thời thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030.	Giảm nghèo	Ủy ban nhân dân cấp xã